

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14-7-2021

V/v tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn S ; nơi cư trú: Cụm A, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Cụm A, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, đã bị Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng tuyên bố là người mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐST-VDS ngày 22 tháng 3 năm 2021; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Văn S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N chung sống vợ chồng từ

ngày 26-12-1989 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, anh chị chung sống cùng nhau tại gia đình anh ở Cụm A, thôn Hu Trì, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp nên chị N đã bỏ nhà đi từ tháng 12/2013 đến nay không trở về. Do chị N bỏ đi biệt tích nên anh đã có đơn yêu cầu tuyên bố chị N là người mất tích. Tại Quyết định số 01/2021/QĐST-VDS ngày 22-3-2021 Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng đã tuyên bố chị Nguyễn Thị N là người mất tích. Từ đó đến nay, chị N không trở về gia đình và địa phương, anh và gia đình cũng không có tin tức gì về chị N. Nay anh xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có hai con chung là Vũ Văn L, sinh ngày 03-10-1990 và Vũ Xuân T, sinh ngày 28-3-2001, hiện nay đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Văn L, sinh ngày 03-10-1990 và Vũ Xuân T, sinh ngày 28-3-2001 hiện nay đều đã trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Anh Vũ Văn S không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú tại Cụm A, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Nguyễn Thị N là bị đơn đã bị Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng tuyên bố là người mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐST-VDS ngày 22-3-2021 đến nay không trở về và cũng không có tin tức gì. Tại phiên tòa, anh Vũ Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Vũ Văn S, bị đơn chị Nguyễn Thị N.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định: Anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ ngày 26-12-1989. Tại thời điểm chung sống anh S và chị N đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đều không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận đến tháng 12/2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên chị N đã bỏ nhà đi từ tháng 12/2013 đến nay không trở về. Ngày 22-3-2021 Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng đã tuyên bố chị Nguyễn Thị N là người mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐST-VDS. Nay anh S đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh S và chị N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng Căn cứ Điều 9, Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì không xác định anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu của anh Vũ Văn S đề nghị Tòa án

không công nhận anh và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Thị N có hai con chung là Vũ Văn L, sinh ngày 03-10-1990 và Vũ Xuân T, sinh ngày 28-3-2001, hiện nay đều đã trưởng thành. Anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Vũ Văn S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Vũ Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Vũ Văn S và chị Nguyễn Thị N có hai con chung là Vũ Văn L, sinh ngày 03-10-1990 và Vũ Xuân T, sinh ngày 28-3-2001, hiện nay đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Vũ Văn S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh S đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017598 ngày 11-5-2021. Anh S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB,
- Chi cục THADS huyện VB;
- UBND xã VQ huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

